

QUY CHẾ

Đào tạo cao đẳng liên thông hình thức vừa làm vừa học

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 127 / QĐ- CĐSP ngày 06 tháng 6 năm 2019
của Hiệu trưởng)*

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy chế này quy định đào tạo trình độ Cao đẳng liên thông hình thức vừa làm vừa học (VLVH) theo hệ thống tín chỉ bao gồm: xét và công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập và khối lượng kiến thức được miễn trừ của người học; tổ chức đào tạo; kiểm tra và thi học phần; xét và công nhận tốt nghiệp áp dụng cho sinh viên Cao đẳng liên thông hình thức VLVH của Trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa – Vũng Tàu.

Điều 2. Khối lượng kiến thức chuyển đổi từ hệ trung cấp

Sinh viên được chuyển khối lượng kiến thức đã học trong chương trình trung cấp tương đương 48 tín chỉ (môn học cụ thể có quy định riêng). Đây cũng là một trong những điều kiện bắt buộc để sinh viên được dự thi tuyển vào học.

Điều 3. Chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần

1. Chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng liên thông hình thức VLVH theo hệ thống tín chỉ (sau đây gọi tắt là Chương trình liên thông) bao gồm khối lượng kiến thức chuyển đổi (Điều 2 của Quy chế này) và khối lượng kiến thức phải học (trong đó gồm các học phần bắt buộc và các học phần tự chọn) được xây dựng trên cơ sở chương trình hệ chính quy, đảm bảo liên thông lên trình độ đại học.

2. Đề cương chi tiết của từng học phần phải thể hiện rõ số lượng tín chỉ, điều kiện tiên quyết (nếu có), nội dung lý thuyết và thực hành, cách thức đánh giá học phần, giáo trình, tài liệu tham khảo và các điều kiện khác phục vụ thực hiện học phần.

3. Hiệu trưởng ban hành chương trình không dưới 80 tín chỉ (tính cả phần chuyển đổi từ trung cấp).

Điều 4. Học phần và tín chỉ

1. Học phần là khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn, thuận tiện cho sinh viên tích lũy trong quá trình học tập. Phần lớn học phần có khối lượng từ 2 đến 4 tín chỉ, tùy theo đặc điểm từng ngành đào tạo mà một số học phần có thể có 1 hoặc lớn hơn 4 tín chỉ, nội dung được bố trí giảng dạy trọn vẹn và phân bố đều trong một học kỳ. Kiến thức trong mỗi học phần phải gắn với một mức trình độ theo năm học thiết kế và được kết cấu riêng như một phần của môn học hoặc được kết cấu dưới dạng tổ hợp từ nhiều môn học. Mỗi học phần phải được ký hiệu bằng một mã số riêng gọi là Mã học phần.

2. Các loại học phần:

a) Học phần chuyển đổi: là những học phần được chuyển đổi từ trung cấp (Điều 2 của Quy chế này).

b) Học phần tiên quyết: là học phần mà sinh viên phải hoàn thành mới được phép học học phần tiếp theo.

c) Học phần bắt buộc là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của chương trình và bắt buộc sinh viên phải tích lũy;

d) Học phần tự chọn là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết, nhưng sinh viên được tự chọn theo hướng dẫn của trường nhằm đa dạng hoá hướng chuyên môn hoặc được tự chọn tùy ý để tích lũy đủ số học phần quy định cho mỗi chương trình.

3. Tín chỉ được sử dụng để tính khối lượng học tập của sinh viên. Một tín chỉ được quy định trong bảng 1.

Bảng 1: Quy định số giờ cho 01 tín chỉ

STT	Hình thức học	Số tiết/ 01 tín chỉ
1	Học lý thuyết	15 tiết
2	Thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận	30 tiết
3	Làm thực tập, thực tế tại cơ sở	45 giờ
4	Làm tiểu luận, bài tập lớn, đồ án hoặc khoá luận tốt nghiệp	60 giờ

Đối với những học phần lý thuyết hoặc thực hành, thí nghiệm, để tiếp thu được một tín chỉ sinh viên phải dành ít nhất 30 giờ chuẩn bị cá nhân (ngoài giờ lên lớp).

4. Một tiết học được tính bằng 50 phút.

Chương II

TỔ CHỨC ĐÀO TẠO VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Điều 5. Thời gian và kế hoạch đào tạo

1. Tổng thời gian học là 1,5 năm, được bố trí làm 3 học kỳ; học cả ngày từ thứ Hai đến thứ Sáu hằng tuần (trong hè) và học vào các ngày cuối mỗi tuần (trong năm học).

2. Thời gian tối đa được phép học để hoàn thành chương trình bao gồm thời gian quy định cho chương trình quy định tại khoản 1 Điều này, cộng với thời gian tối đa sinh viên được phép tạm ngừng học, tổng cộng không quá 3 năm.

Điều 6. Đánh giá học phần

1. Điểm tổng hợp đánh giá học phần (gọi tắt là điểm học phần) bao gồm:

- Điểm chuyên cần, thái độ học tập: Do giảng viên giảng dạy đánh giá và cho điểm (trọng số **10%**);

- Điểm kiểm tra giữa học phần: Do giảng viên giảng dạy tổ chức, đánh giá và cho điểm (trọng số **30%**);

- Điểm thi kết thúc học phần: Do nhà trường tổ chức thi và chấm điểm (ngoại trừ học phần có đề nghị riêng được Hiệu trưởng chấp nhận), có trọng số **60%**.

2. Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

3. Điểm đánh giá bộ phận (tích lũy) do giảng viên chịu trách nhiệm ghi vào bảng điểm đánh giá bộ phận, Phòng Đào tạo nhập điểm vào phần mềm quản lý điểm. Bảng ghi

điểm này được duyệt và lưu tại Phòng Đào tạo. Giảng viên phải công bố bảng điểm đánh giá bộ phận cho sinh viên biết trước thời gian thi kết thúc học phần. Điểm thi kết thúc học phần ghi vào bảng điểm theo mẫu của nhà trường và do Phòng Đào tạo nhập điểm.

4. Điểm học phần là tổng điểm của điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân.

Phần mềm quản lý điểm sẽ tính điểm học phần.

Điều 7. Đề thi kết thúc học phần

Sau khi dạy xong mỗi học phần, giảng viên soạn 3 đề thi (kèm đáp án) nộp về nhà trường để bổ sung vào Ngân hàng đề thi. Thời gian làm bài thi học phần và yêu cầu về hình thức, nội dung được áp dụng giống đào tạo chính quy theo tín chỉ.

Điều 8. Điều kiện dự thi kết thúc học phần

Sinh viên được dự thi kết thúc học phần nếu đạt các điều kiện sau:

1. Tham dự ít nhất 75% số tiết lên lớp thực tế quy định cho từng học phần.
2. Làm đầy đủ các bài thực hành, bài tập, thí nghiệm, tiểu luận, thiết kế đồ án.

Điều 9. Hình thức thi, chấm thi kết thúc học phần

1. Hình thức thi kết thúc học phần có thể là: thi viết, thi vấn đáp hoặc thực hành. Hiệu trưởng căn cứ đặc điểm từng học phần để quy định hình thức thi thích hợp.

2. Việc chấm thi viết, thi vấn đáp hoặc thực hành phải do hai giảng viên trực tiếp thực hiện.

3. Điểm học phần của sinh viên phải được ghi vào bảng điểm. Bảng điểm thi kết thúc học phần phải có đủ chữ ký của hai cán bộ chấm thi, trưởng bộ môn hoặc trưởng khoa ký duyệt, được làm thành ba bản lưu giữ tại phòng đào tạo, văn phòng khoa, bộ môn và thông báo cho sinh viên.

Điều 10. Tổ chức thi kết thúc học phần

Cuối mỗi học kỳ, nhà trường tổ chức một kỳ thi chính và một kỳ thi phụ để thi kết thúc học phần. Kỳ thi phụ dành cho những sinh viên không tham gia kỳ thi chính hoặc có điểm học phần chưa đạt sau kỳ thi chính và được tổ chức sớm nhất là 2 tuần sau kỳ thi chính.

Điều 11. Cách chuyển điểm học phần thành điểm chữ như sau:

a) Các điểm bình thường: bao gồm các điểm chữ A, B⁺, B, C⁺, C, D⁺, D, F⁺, F được qui đổi từ thang điểm 10 và xếp loại như ở Bảng 5.

b) Phòng Đào tạo chịu trách nhiệm chuyển điểm học phần thành điểm chữ để sử dụng trong những công tác học vụ liên quan đến sinh viên.

Bảng 5: Cách qui đổi và xếp hạng các điểm bình thường

STT	Điểm theo thang điểm 10	Thang điểm 4		Xếp loại	
		Điểm chữ	Điểm số		
1	Từ 8,5 đến 10	A	4,0	Giỏi	Đạt (tích lũy)
2	Từ 7,8 đến 8,4	B ⁺	3,5	Khá	
3	Từ 7,0 đến 7,7	B	3,0		
4	Từ 6,3 đến 6,9	C ⁺	2,5	Trung bình	
5	Từ 5,5 đến 6,2	C	2,0		

6	Từ 4,8 đến 5,4	D ⁺	1,5	Trung bình yếu	
7	Từ 4,0 đến 4,7	D	1,0		
8	Từ 3,0 đến 3,9	F ⁺	0,5	Kém	Không đạt
9	Từ 0,0 đến 2,9	F	0,0		

Điều 12. Cách tính điểm trung bình chung và xếp loại kết quả học tập

1. Để tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy, mức điểm chữ của mỗi học phần được quy đổi qua điểm số theo hệ 4 như trong Bảng 5.

2. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

A là điểm trung bình chung học kỳ hoặc điểm trung bình chung tích lũy.

a_i là điểm của học phần thứ i

n_i là số tín chỉ của học phần thứ i

n là tổng số học phần.

Điểm trung bình chung học kỳ dùng để xét học bổng, khen thưởng sau mỗi học kỳ chỉ tính theo kết quả thi kết thúc học phần ở lần thi thứ nhất.

Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy dùng để xét thôi học, xếp hạng học lực sinh viên và xếp hạng tốt nghiệp được tính theo điểm thi kết thúc học phần cao nhất trong các lần thi.

3. Xếp loại kết quả học tập trong từng học kỳ

STT	Điểm trung bình chung tích lũy (thang điểm 4)	Xếp loại kết quả học tập	
1	Từ 3,60 đến 4,00	Loại xuất sắc	HẠNG BÌNH THƯỜNG
2	Từ 3,20 đến 3,59	Loại giỏi	
3	Từ 2,50 đến 3,19	Loại khá	
4	Từ 2,00 đến 2,49	Loại trung bình	
5	Từ 0,00 đến 1,99	Loại yếu (Không xếp loại đối với diện thôi học)	HẠNG YẾU

Điều 13. Xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm các quy định về thi, kiểm tra

1. Trong khi dự kiểm tra thường xuyên, chuẩn bị tiểu luận, bài tập lớn, kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần, chuẩn bị đồ án, khóa luận tốt nghiệp, nếu vi phạm quy chế, sinh viên sẽ bị xử lý kỷ luật với từng học phần đã vi phạm.

2. Sinh viên đi thi hộ hoặc nhờ người khác thi hộ sẽ bị xử lý kỷ luật ở mức đình chỉ học tập một năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai.

3. Trừ trường hợp như quy định tại khoản 2 của Điều này, mức độ sai phạm và khung xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm được thực hiện theo các quy định của Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy.

Điều 14. Thi lại, thi trả nợ và bảo lưu kết quả học phần

1. Sinh viên thi không đạt hoặc bỏ thi không có lý do chính đáng ở lần thi thứ nhất, được dự thi lại tối đa là một lần và phải nộp lệ phí thi lại theo quy định.

2. Sinh viên vắng mặt trên lớp quá mức quy định cho một học phần phải đăng ký học lại học phần đó; sinh viên không làm đầy đủ các bài thí nghiệm, thực hành, bài tập, tiểu luận, bài tập lớn, thiết kế đồ án, nếu làm bổ sung đầy đủ, sẽ được dự thi ở kỳ thi lại.

3. Sinh viên thi lại vẫn không đạt, nếu được xét học tiếp lên năm học sau phải đăng ký học để thi trả nợ học phần, số lần được thi trả nợ tối đa là một lần.

4. Sinh viên đã tốt nghiệp một trường đại học hoặc cao đẳng được bảo lưu kết quả một số học phần có cùng trình độ, nội dung và thời lượng với học phần đã học.

Hiệu trưởng quy định về thời gian tổ chức thi lại, điều kiện và thủ tục cho sinh viên được đăng ký học để thi trả nợ học phần và bảo lưu kết quả học phần.

Chương III XÉT VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

Điều 15. Hội đồng xét tốt nghiệp

1. Thành phần hội đồng xét tốt nghiệp bao gồm:

a) Chủ tịch là hiệu trưởng hoặc phó hiệu trưởng được hiệu trưởng uỷ quyền làm chủ tịch;

b) Phó chủ tịch là phó hiệu trưởng;

c) Thường trực hội đồng là Trưởng phòng Đào tạo hoặc Trưởng khoa tại chức;

d) Các uỷ viên là các trưởng phòng, trưởng khoa có liên quan.

2. Nhiệm vụ Hội đồng xét tốt nghiệp:

a) Duyệt danh sách sinh viên làm và bảo vệ đồ án, khoá luận tốt nghiệp (nếu có);

b) Xét công nhận tốt nghiệp.

3. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập hội đồng xét tốt nghiệp.

Điều 16. Chấm đồ án, khoá luận tốt nghiệp

1. Trong quá học, sinh viên được làm đồ án/khoá luận tốt nghiệp thay cho học một số học phần (được quy định trong chương trình đào tạo của mỗi ngành học) nếu thỏa mãn các điều kiện sau:

- Hoàn thành ít nhất 1/2 khối lượng tín chỉ theo quy định của chương trình học (không tính các học phần chuyển điểm từ trung cấp).

- Có đơn xin làm đồ án/khoá luận tốt nghiệp và được một giảng viên phù hợp về chuyên môn hướng dẫn đồng ý.

- Có điểm trung bình chung tích lũy tính tới thời điểm xét duyệt làm đồ án/khoá luận tối thiểu phải đạt 2.5 (thang điểm 4) và không có học phần nào phải thi lại.

2. Hiệu trưởng quyết định thành lập các hội đồng chấm đồ án, khoá luận tốt nghiệp. Số thành viên của mỗi hội đồng là 3, hoặc 5, hoặc 7, trong đó có chủ tịch và thư ký. Thành viên của hội đồng là giảng viên của trường hoặc có thể mời thêm những người có chuyên môn phù hợp ở ngoài trường.

2. Đối với hình thức bảo vệ đồ án, khoá luận tốt nghiệp, sau khi sinh viên bảo vệ và trả lời những câu hỏi, các thành viên của hội đồng cho điểm theo phiếu. Điểm đánh giá đồ án, khoá luận tốt nghiệp là trung bình cộng các điểm của từng thành viên hội đồng, người phản biện và người hướng dẫn, được làm tròn đến một chữ số thập phân.

4. Kết quả chấm đồ án, khoá luận tốt nghiệp phải được công bố sau mỗi buổi bảo vệ.

Điểm đồ án, khoá luận tốt nghiệp được tính vào điểm trung bình chung học tập của toàn khoá học để xếp loại tốt nghiệp.

Sinh viên bảo vệ đồ án, khoá luận tốt nghiệp nếu có điểm dưới 5, được nhà trường tổ chức cho bảo vệ lại trong thời gian từ 3 đến 6 tháng sau khi trường công bố kết quả. Nội dung tổ chức bảo vệ đồ án hay khóa luận, xét và đề nghị công nhận tốt nghiệp cho những sinh viên này được thực hiện như ở kỳ bảo vệ chính và do Hiệu trưởng quy định.

Điều 17. Điều kiện xét tốt nghiệp, công nhận tốt nghiệp

1. Những sinh viên có đủ các điều kiện sau thì được xét tốt nghiệp:

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, SV không đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

b) Tích lũy đủ số học phần quy định cho từng chương trình đào tạo của nhà trường.

c) Điểm chung bình chung tích lũy toàn khóa (bao gồm cả điểm làm đồ án) đạt từ **2.00** (thang điểm 4) trở lên.

2. Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho những sinh viên đủ các điều kiện theo quy định.

Điều 18. Cấp bằng tốt nghiệp, xếp hạng tốt nghiệp

1. Sinh viên được công nhận tốt nghiệp sẽ được cấp bằng tốt nghiệp (kèm bằng điểm) theo quy định hiện hành về quản lý văn bằng, chứng chỉ. Bằng tốt nghiệp đại học, cao đẳng được cấp theo ngành đào tạo chính. Bằng chỉ được cấp cho sinh viên khi đã ghi đầy đủ, chính xác các nội dung theo quy định.

2. Xếp hạng tốt nghiệp được xác định theo điểm trung bình chung học tập của toàn khoá học quy định tại Khoản 3, Điều 12 của Quy chế này.

Hạng tốt nghiệp của những sinh viên có kết quả học tập toàn khoá loại xuất sắc và giỏi sẽ bị giảm đi một mức nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:

a) Có thời gian học chính thức tại trường vượt quá thời gian quy định cho chương trình đào tạo;

b) Có khối lượng của các học phần phải thi lại vượt quá 5% so với tổng số đơn vị học trình quy định cho toàn khoá học;

c) Bị kỷ luật trong thời gian học từ mức cảnh cáo trở lên.

3. Kết quả học tập của SV được ghi vào bảng điểm của sinh viên theo từng học phần. Trong bảng điểm còn phải ghi chuyên ngành (hướng chuyên sâu) hoặc ngành phụ nếu có.

4. Những sinh viên chưa hoàn thành đồ án, khoá luận tốt nghiệp đã hết thời gian tối đa được phép học, trong thời hạn 3 năm tính từ ngày kết thúc thời gian tối đa được phép học, được trở về trường trả nợ để có đủ điều kiện xét tốt nghiệp cùng với sinh viên các khóa trước.

5. Sinh viên không tốt nghiệp được cấp giấy chứng nhận về các học phần đã học trong chương trình đào tạo của trường. Những sinh viên này nếu có nhu cầu, được quyền làm đơn xin phép chuyển qua các chương trình đào tạo theo hình thức vừa làm vừa học ở trình độ thấp hơn.

Chương IV **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 19.

1. Quy chế này được áp dụng cho sinh viên các ngành đào tạo liên thông hình thức VLVH tại Trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa – Vũng Tàu từ khóa tuyển sinh năm 2019.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có những vấn đề phát sinh, Trường các đơn vị đề xuất Hiệu trưởng xem xét giải quyết. Những thay đổi lớn phải thông qua Hội đồng đào tạo liên thông của trường đề xuất và Hiệu trưởng quyết định./.

HIỆU TRƯỞNG
(đã ký)

.....

Số: 127/QĐ - CĐSP

Bà Rịa, ngày 06 tháng 6 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế đào tạo Cao đẳng liên thông hình thức vừa làm vừa học áp dụng cho Trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa – Vũng Tàu

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Căn cứ vào nhiệm vụ và quyền hạn của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng quy định tại Điều 11, Điều lệ Trường Cao đẳng ban hành kèm theo Thông tư số 01/2015/TT – BGDDT ngày 15 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ, ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD-ĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hình thức vừa làm vừa học, ban hành kèm theo Quyết định số 36/2007/QĐ - BGD-ĐT ngày 28 tháng 6 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 02/VBHN - BGDĐT ngày 05/8/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo Quy định đào tạo liên thông trình độ cao đẳng, đại học;

Căn cứ chương trình đào tạo, cơ sở vật chất, đội ngũ cán bộ, giảng viên của trường;

Theo đề nghị của Hội đồng đào tạo liên thông Trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa – Vũng Tàu,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế đào tạo Cao đẳng liên thông hình thức vừa làm vừa học áp dụng cho Trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa – Vũng Tàu. *(văn bản kèm theo)*

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng cho các khóa tuyển sinh từ năm 2019.

Điều 3. Trưởng Phòng Đào tạo, Trưởng các đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng, các PHT;
- Như điều 3;
- Website trường;
- Lưu: Vanbanmoi/cdsp/quichedaotao.

HIỆU TRƯỞNG
(đã ký)